

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 – ĐỀ 4

MÔN: TIẾNG ANH 4 FAMILY AND FRIENDS



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

I. Choose the correct answer.

1. What's the weather _____?

- A. likes
- B. look like
- C. like

2. _____ does your father go to work? - He goes to work at 7.30.

- A. What
- B. Why
- C. What time

3. The library is _____ to the movie theater.

- A. next
- B. opposite
- C. between

4. His hair _____ blonde.

- A. was
- B. were
- C. weren't

5. Do you and your sister like _____ corn?

- A. eat
- B. eating
- C. eats

II. Read and complete. Use the given words.**old handsome messy smart young**

1. Lisa is so _____. She always gets 10 points on English examinations.

2. He is a famous actor. He looks _____.

3. My grandmother is 90 years old. She is _____.

4. My baby sister is 2 years old. She is so _____.

5. My mother wants me to clean the room. She doesn't like a _____ room.

III. Find ONE mistake in each sentence.

1. He get up at eight o'clock. .
2. What time do his sister go to bed?
3. She brushes my teeth twice a week.
4. We like play chess after school.
5. Her hair were long.

IV. Read and decide if each sentence below is True or False.

My countryside town was very different in the past. There were less shops and no cinema. When my Grandmother was 18, she left my town and moved to the city. The city was bigger and busier. There were more job opportunities for her. One day, she got a job in a clothes shop. She was very happy because there were lots of clothes for her to try on and buy. It was very busy and there were lots of customers. Often, she was very stressed. There were always lots of work. In the end, she decided to go back to the country because there were lots of fields and trees, and it was quieter and more peaceful.

1. Her countryside town had many shops and cinemas in the past.
2. Her grandmother left her town when she was sixteen.
3. There was no job for her grandmother in the city.
4. She was stressed when she worked for a clothes shop.
5. She decided to move the city.

V. Rearrange the words to make correct sentences.

1. taking/ Dad/ like/ photos/ doesn't/ .

2. she/ time/ lunch/ does/ What/ have/ ?

3. they/ What/ like/ do/ ?

4. your/ Don't/ sunny/ on/ scarf/ put/ it's/ because/ .

5. Hoa's/ We/ birthday/ last/ were/ party/ weekend/ at/ .

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

I. Choose the correct answer.

(Chọn đáp án đúng.)

1.

Cấu trúc hỏi về thời tiết:

What's the weather **like**?*(Thời tiết thế nào?)***=> Chọn C**

2.

Nhận thấy câu trả lời mang thông tin về giờ giấc, vậy nên câu hỏi cần phải hỏi về giờ giấc.

Khi đó ra dùng "What time".

What time does your father go to work? - He goes to work at 7.30.*(Bố bạn đi làm lúc mấy giờ? - Ông ấy đi làm lúc 7h30.)***=> Chọn C**

3.

next to: ở bên cạnh

The library is **next** to the movie theater.*(Thư viện ở bên cạnh rạp chiếu phim.)***=> Chọn A**

4.

"hair" là danh từ không đếm được nên động từ to be tương ứng ở thì quá khứ đơn là "was"

His hair **was** blonde.*(Tóc của anh ấy đã từng có màu vàng.)***=> Chọn A**

5.

like + V-ing: thích làm gì

Do you and your sister like eating corn?

*(Bạn và em gái có thích ăn ngô không?)***=> Chọn B**

II. Read and complete. Use the given words.

(Đọc và hoàn thành. Sử dụng những từ cho sẵn.)

1. Lisa is so **smart**. She always gets 10 points on English examinations.

(Lisa rất thông minh. Cô luôn đạt được 10 điểm trong các bài kiểm tra tiếng Anh.)

2. He is a famous actor. He looks **handsome**.

(Anh ấy là một diễn viên nổi tiếng. Anh ấy trông thật đẹp trai.)

3. My grandmother is 90 years old. She is **old**.

(Bà tôi năm nay 90 tuổi. Bà đã lớn tuổi.)

4. My baby sister is 2 years old. She is so **young**.

(Em gái tôi 2 tuổi. Em ấy còn rất nhỏ.)

5. My mother wants me to clean the room. She doesn't like a **messy** room.

(Mẹ tôi muốn tôi dọn phòng. Bà ấy không thích một căn phòng bừa bộn.)

III. Find ONE mistake in each sentence.

(Tìm MỘT lỗi sai ở mỗi câu sau.)

1. He **get** up at eight o'clock.

Giải thích: "He" là chủ ngữ ngôi thứ 3 số ít nên động từ chính trong câu cần được chia.

Câu đúng: He **gets** up at eight o'clock.

(Anh ấy thức dậy lúc 8h.)

2. What time **do** his sister go to bed?

Giải thích: "His sister" là chủ ngữ ngôi thứ 3 số ít nên khi thành lập câu hỏi, cần dùng trợ động từ "does".

Câu đúng: What time **does** his sister go to bed?

(Chị gái anh ấy đi ngủ lúc mấy giờ?)

3. She brushes **my** teeth twice a week.

Giải thích: Tính từ sở hữu tương ứng với "she" là "her".

Câu đúng: She brushes **her** teeth twice a week.

(Cô ấy đánh răng 2 lần/tuần.)

4. We like **play** chess after school.

Giải thích: like + V-ing: thích làm gì

Câu đúng: We like **playing** chess after school.

(Chúng tôi thích chơi cờ sau giờ học.)

5. Her hair **were** long.

Giải thích: “Hair” là danh từ không đếm được nên động từ to be tương ứng ở thì quá khứ đơn phải là

Câu đúng: Her hair **was** long.

(Tóc của cô ấy đã từng dài.)

IV. Read and decide if each sentence below is True or False.

(Đọc và xem mỗi câu dưới đây là Đúng hay Sai.)

My countryside town was very different in the past. There were less shops and no cinema. When my Grandmother was 18, she left my town and moved to the city. The city was bigger and busier. There were more job opportunities for her. One day, she got a job in a clothes shop. She was very happy because there were lots of clothes for her to try on and buy. It was very busy and there were lots of customers. Often, she was very stressed. There were always lots of work. In the end, she decided to go back to the country because there were lots of fields and trees, and it was quieter and more peaceful.

Tạm dịch:

Thị trấn quê tôi ngày xưa rất khác. Có ít cửa hàng hơn và không có rạp chiếu phim. Khi bà tôi 18 tuổi, bà rời thị trấn của tôi và chuyển đến thành phố. Thành phố lớn hơn và bận rộn hơn. Có nhiều cơ hội việc làm hơn cho bà. Một ngày nọ, bà tôi nhận được việc làm ở một cửa hàng quần áo. Bà rất vui vì có rất nhiều quần áo để thử và mua. Nó rất bận rộn và có rất nhiều khách hàng. Nhiều khi bà rất căng thẳng. Luôn luôn có rất nhiều công việc. Cuối cùng, bà tôi quyết định về quê vì nơi đây có nhiều ruộng và cây cối, lại yên tĩnh và thanh bình hơn.

1. Her countryside town had many shops and cinemas in the past.

(Thị trấn quê cô ấy trước đây có nhiều cửa hàng và rạp chiếu phim.)

Thông tin: There were less shops and no cinema.

(Có ít cửa hàng hơn và không có rạp chiếu phim.)

=> **False**

2. Her grandmother left her town when she was sixteen.

(Bà của cô rời thị trấn khi cô mười sáu tuổi.)

Thông tin: When my Grandmother was 18, she left my town and moved to the city.

(Khi bà tôi 18 tuổi, bà rời thị trấn của tôi và chuyển đến thành phố.)

=> **False**

3. There was no job for her grandmother in the city.

(Bà cô ở thành phố không có việc làm.)

Thông tin: One day, she got a job in a clothes shop.

(Một ngày nọ, bà tôi nhận được việc làm ở một cửa hàng quần áo.)

=> **False**

4. She was stressed when she worked for a clothes shop.

(Bà bị căng thẳng khi làm việc cho một cửa hàng quần áo.)

Thông tin: Often, she was very stressed.

(Nhiều khi bà rất căng thẳng.)

=> **True**

5. She decided to leave the city and go back to her countryside town.

(Cô ấy đã quyết định rời khỏi thành phố và quay trở về quê.)

Thông tin: In the end, she decided to go back to the country because there were lots of fields and trees, and it was quieter and more peaceful.

(Cuối cùng, bà tôi quyết định về quê vì nơi đây có nhiều ruộng và cây cối, lại yên tĩnh và thanh bình hơn.)

=> **True**

V. Rearrange the words to make correct sentences.

(Sắp xếp các từ để tạo thành những câu đúng.)

1. taking/ Dad/ like/ photos./ doesn't

Dad doesn't like taking photos.

(Bố không thích chụp ảnh.)

2. she/ time/ lunch/ does/ What/ have/ ?

What time does she have lunch?

(Cô ấy ăn trưa lúc mấy giờ?)

3. they/ What/ like/ do/ ?

What do they like?

(Họ thích gì?)

4. your/ Don't/ sunny/ on/ scarf/ put/ it's/ because/ .

Don't put on your scarf because it's sunny.

(Đừng quàng khăn làm gì, bởi vì trời đang nắng.)

5. Hoa's/ We/ birthday/ last/ were/ party/ weekend/ at/ .

We were at Hoa's birthday party last weekend.

(Cuối tuần trước chúng tôi đã đến bữa tiệc của Hoa.)